

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/01/2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Thị Hồng Vân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng**

2. Ông **Đỗ Quang Linh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Phương Ánh Nguyệt**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
tham gia phiên tòa: Bà **Đào Thị Mai Phương** -Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “*ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 10 năm 2018; quyết định hoãn phiên tòa số 106/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2018 và thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 106/TB-TA ngày 02 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Tô Minh Đ.** – Sinh năm: 1987

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ cư trú: Số 11 ngách 3/2, phố Nh., phường Nh., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Chị Lê Thị Phương Th. – Sinh năm: 1993

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 11 ngách 3/2, phố Nh., phường Nh., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Hiện không rõ địa chỉ cư trú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 08 tháng 06 năm 2018, anh Tô Minh Đ. có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Anh Tô Minh Đ. xin ly hôn với chị Lê Thị Phương Th..

Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung là: Tô Thanh T. sinh ngày 29/06/2012 và Tô Hoàng T. sinh ngày 29/06/2012. Anh Đ. có nguyện vọng được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị Th. cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

- 1- 01 Giấy chứng nhận kết hôn do UBND phường Nh. cấp (bản chính).
 - 2- Bản sao Giấy khai sinh của con chung
 - 3- Bản sao sổ khẩu gia đình
 - 4- Đơn đề nghị về việc xác nhận công dân không ở nơi cư trú;
 - 5- Giấy xác nhận tình trạng chung sống vợ chồng
- Xác nhận tình trạng chung sống của vợ chồng.

* Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn – Anh Tô Minh Đ. trình bày:

- **Về tình cảm:** Anh và chị Lê Thị Phương Th. kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/04/2012 tại UBND phường Nh., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến ngày 21/10/2015 thì phát sinh mâu thuẫn do giữa hai vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, lối sống, đặc biệt trong việc chăm sóc giáo dục con cái và mối quan hệ giao tiếp với người xung

quanh. Vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không tìm được tiếng nói chung. Năm 2016, chị Th. đã làm đơn xin ly hôn với anh Đ.. Tại bản án Dân sự phúc thẩm số 35/2016/HNGĐ-PT ngày 31/5/2016, Tòa án nhân thành phố Hà Nội đã bác đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Th. với anh Đ.. Tuy nhiên sau đó, chị Th. lại không tạo điều kiện để anh Đ. thăm nom, chăm sóc con chung và không cho anh Đ. có cơ hội hàn gắn hôn nhân. Từ đó đến nay anh Đ. không có cách nào gặp chị Th. và con chung. Từ ngày 21/10/2016, chị Th. đã đưa cả hai con chung đi khỏi địa chỉ: Số 11, ngách 3/2 phố Nh., phường Nh., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội để sinh sống tại nơi khác, cố tình giấu địa chỉ nên anh không biết ba mẹ con hiện sống ở đâu và không thể thực hiện nghĩa vụ chăm sóc con của người cha. Anh Đ. nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Th..

- **Về con chung:** Anh chị có 02 con chung là: Tô Thanh T. sinh ngày 29/06/2012 và Tô Hoàng T. sinh ngày 29/06/2012. Tại đơn khởi kiện, Anh Đ. có nguyện vọng được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị Th. cấp dưỡng nuôi con. Tại đơn trình bày tại Tòa án vào ngày 09/10/2018, anh Đ. thay đổi yêu cầu, đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị Th. nuôi dưỡng, anh Đ. tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là: **5.000.000 đ/tháng/01 con chung** (*Năm triệu đồng một tháng cho mỗi con chung*) kể từ tháng 01 năm 2019.

- **Về tài sản chung:** Anh Đ. không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn – Chị Lê Thị Phương Th. không đến Tòa làm việc. Tại đơn đề nghị của anh Tô Minh Đ. gửi công an phường Nh. ngày 11/5/2018, công an phường Nh. xác nhận: Chị Th. cùng hai con chung là Tô Thanh T. và Tô Hoàng T. không còn sinh sống tại địa chỉ: Số 11 ngách 3/2, phố Nh., phường Nh., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội từ ngày 21/01/2016. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú cuối cùng của bị đơn và tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay,

Anh Tô Minh Đ. vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Lê Thị Phương Th.; Đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị Th. nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là: **5.000.000đ/tháng/01 con chung** (*Năm triệu đồng một tháng cho mỗi con chung*) kể từ tháng 01 năm 2019 và không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng.

Chị Lê Thị Phương Th. vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Tô Minh Đ. đối với chị Lê Thị Phương Th., anh Đ. được ly hôn với chị Th.; Về con chung: Giao hai con chung Tô Thanh T. và Tô Hoàng T. cho chị Th. trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ. về việc cấp dưỡng nuôi con chung là: **5.000.000đ/tháng/01 con chung** (*Năm triệu đồng một tháng cho mỗi con chung*) kể từ tháng 01 năm 2019 ; Về tài sản chung vợ chồng: Anh Đ. không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: Anh Đ. phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Tại thời điểm thụ lý vụ án, nguyên đơn – anh Tô Minh Đ. đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn – chị Lê Thị Phương Th. nhưng bị đơn cố tình giấu địa chỉ, điều này được thể hiện qua các tài liệu như: Sổ hộ khẩu gia đình, đơn xác nhận cư trú, đơn trình báo của nguyên đơn ngày 20/01/2017; Căn cứ theo

các quy định tại Điều 192 BLTTDS 2015 và Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, vụ án thụ lý thuộc thẩm quyền của TAND quận Thanh Xuân.

[2] Về hôn nhân:

Anh Tô Minh Đ. và chị Lê Thị Phương Th. có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 18/4/2012 tại UBND phường Nh., quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo anh Đ., cuộc sống gia đình phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, lối sống đặc biệt trong việc chăm sóc giáo dục con cái và mối quan hệ giao tiếp với người xung quanh. Vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không tìm được tiếng nói chung. Nay anh Đ. xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với chị Th..

Tòa án cũng đã tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự để chị Th. biết việc anh Đ. xin ly hôn nhưng chị Th. không đến Tòa án cũng như không có văn bản ghi ý kiến nào gửi Tòa.

Tại bản án Dân sự phúc thẩm số 35/2016/HNGĐ-PT ngày 31/5/2016, Tòa án nhân thành phố Hà Nội đã bác đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Th. với anh Đ. để vợ chồng anh chị về đoàn tụ. Tuy nhiên sau đó tình trạng hôn nhân của anh chị không thể cải thiện. Chị Th. đưa hai con chung bỏ khỏi nhà ra đi từ ngày 21/10/2016 cho đến nay và cố tình giấu địa chỉ để anh Đ. không thể có cơ hội hàn gắn hôn nhân cũng như thăm nom, chăm sóc con chung. Điều này thể hiện hôn nhân của anh chị rơi vào tình trạng mâu thuẫn vô cùng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Th., anh Đ. được ly hôn với chị Th..

[3] Về nuôi con chung:

Anh chị có 02 con chung là: Tô Thanh T. sinh ngày 29/06/2012 và Tô Hoàng T. sinh ngày 29/06/2012. Hiện nay hai con chung của anh chị đang sống cùng mẹ và không rõ địa chỉ cư trú. Mặt khác, anh Đ. đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị Th. nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là: **5.000.000 đ/tháng/01 con chung** (*Năm triệu đồng một tháng cho mỗi con chung*) kể từ tháng 01 năm 2019. Do đó, giao hai con chung cho chị Lê Thị Phương Th. nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì vậy, căn cứ điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao hai con chung Tô Thanh T. sinh ngày 29/06/2012 và Tô Hoàng T. sinh ngày 29/06/2012 cho chị Lê Thị Phương Th. được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ. về việc cấp dưỡng nuôi con chung là: **5.000.000 đ/tháng/01 con chung** (*Năm triệu đồng một tháng cho mỗi con chung*) kể từ tháng 01 năm 2019 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

[4] Về chia tài sản chung: Anh Đ. không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Hương phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 28, Điều 147 Khoản 4, Điều 271, Điều 272 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Tô Minh Đ. đối với chị Lê Thị Phương Th., anh Đ. được ly hôn với chị Th..

2- Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung Tô Thanh T. sinh ngày 29/06/2012 và Tô Hoàng T. sinh ngày 29/06/2012 cho chị Lê Thị Phương Th. được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ. về việc cấp dưỡng nuôi con chung là: **5.000.000đ/tháng/01 con chung** (*Năm triệu đồng một tháng cho mỗi con chung*) kể từ tháng 01 năm 2019 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Đ. được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3- Về chia tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu nên tòa án không giải quyết.

4- Về án phí: Anh Tô Minh Đ. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Đ. đã nộp theo biên lai số 0004979 ngày 02.7.2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Anh Đ. phải nộp thêm 300.000 đồng.

5- Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân;
- Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Thị Hồng Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN HỘI THẨM NHÂN DÂN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA